

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 181/2004/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1279/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công an về danh mục bí mật Nhà nước độ Mật của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và thay thế Quyết định số 110/2004/QĐ.UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các Doanh nghiệp do

nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục A83 Bộ Công an;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, PCT/UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, NC/NC(G).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 8 năm 2017

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /2017/QĐ-UBND ngày 10 / 8 /2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp; bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang của tỉnh Đồng Tháp trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Độ mật là mức độ quan trọng của bí mật nhà nước, mức độ thiệt hại nếu tin, tài liệu bí mật nhà nước bị tiết lộ.
2. Danh mục bí mật nhà nước là văn bản quy phạm pháp luật do cấp có thẩm quyền ban hành quy định các độ mật để bảo vệ theo quy định.
3. Vật mang bí mật nhà nước là vật thể bao gồm tài liệu, vật liệu, máy móc trong đó có lưu giữ, chứa đựng bí mật nhà nước.
4. Bí mật nhà nước thuộc độ Tuyệt mật là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói (sau đây gọi tắt là tài liệu, vật mang bí mật nhà nước) có nội dung đặc biệt quan trọng thuộc danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành, chỉ phổ biến đến người có trách nhiệm và nếu bị tiết lộ sẽ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho lợi ích của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Bí mật nhà nước thuộc độ Tối mật là những tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có nội dung rất quan trọng thuộc danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành, chỉ phổ biến đến những người và đơn vị liên quan và nếu bị tiết lộ sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng cho lợi ích của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Bí mật nhà nước thuộc độ Mật là những tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có nội dung quan trọng thuộc danh mục bí mật nhà nước do Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định ban hành, nếu bị tiết lộ sẽ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
7. Khu vực cấm, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật nhà nước là những địa điểm được thiết lập nhằm bảo vệ, quản lý, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của con người, phương tiện nhằm duy trì trật tự, an ninh, phòng, chống các hành vi xâm nhập, phá hoại, thu thập bí mật nhà nước trong khu vực, địa điểm đó.

8. Giải mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước là xóa bỏ độ mật đã được xác định của tài liệu, vật mang bí mật nhà nước.

9. Giảm mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước là hạ độ mật đã được xác định của tài liệu, vật mang bí mật nhà nước.

10. Tăng mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước là tăng độ mật đã được xác định của tài liệu, vật mang bí mật nhà nước.

11. Công bố tài liệu, vật mang bí mật nhà nước là việc thông báo công khai cho mọi người biết để tiếp cận.

12. Tự động giải mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước là tự động xóa bỏ độ mật của tài liệu, vật mang bí mật nhà nước mà không cần tiến hành các thủ tục giải mật theo quy định.

Điều 3: Bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp và trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp là những tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có chứa đựng nội dung quan trọng thuộc tỉnh Đồng Tháp quản lý được quy định tại các Quyết định số 181/2004/QĐ-TTg ngày 15/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1279/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 10/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về Danh mục bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật”, “Tối mật”, “Mật” của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và những quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy chế này; khu vực cấm, địa điểm cấm trên địa bàn tỉnh.

2. Tất cả cơ quan Đảng, cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và mọi công dân hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đều phải có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán bí mật nhà nước hoặc thu thập, lưu giữ, chuyển giao, tiêu hủy bí mật nhà nước trái pháp luật.

2. Lạm dụng bảo vệ bí mật nhà nước để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân.

3. Soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước trên máy tính, mạng nội bộ, mạng diện rộng có kết nối Internet; sử dụng máy tính dành riêng soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước kết nối, truy cập internet; sử dụng phương tiện, thiết bị có tính năng sao, chụp, lưu giữ bí mật nhà nước kết nối với máy tính, mạng nội bộ và mạng diện rộng có kết nối mạng Internet.

4. Sử dụng micro vô tuyến, điện thoại di động, thiết bị thu phát tín hiệu, thiết bị có tính năng ghi âm, ghi hình trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo có nội dung bí mật nhà nước khi chưa được người chủ trì cuộc họp, hội nghị, hội thảo cho phép.

5. Đăng tải bí mật nhà nước trên báo chí, ấn phẩm xuất bản công khai; trên website, mạng xã hội và các hình thức tương tự trên Internet; cung cấp thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước cho cho tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

6. Sử dụng các phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc, có tính năng sao chụp, thu phát, lưu trữ dữ liệu do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ, cho tặng để sao chụp, lưu giữ, trao đổi thông tin có nội dung bí mật nhà nước khi chưa được ngành Công an kiểm tra, kiểm định.

7. Mang máy vi tính, máy photocopy và các phương tiện, thiết bị khác có lưu giữ thông tin bí mật nhà nước sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tại các cơ sở bên ngoài mà không có biện pháp đảm bảo không lộ, lọt bí mật nhà nước.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

Điều 5. Bí mật nhà nước độ “TUYỆT MẬT”

1. Các chương trình, đề án, phương án đặc biệt quan trọng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo an ninh, quốc phòng; kế hoạch thực hiện lệnh tổng động viên bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh.

2. Các chủ trương, chính sách của tỉnh thuộc phạm vi chức năng về quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, quản lý biên giới; các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự ở các vùng dân cư đặc thù chưa công bố hoặc không công bố.

Điều 6. Bí mật nhà nước độ “TỐI MẬT”

1. Nghị quyết, chỉ thị, quyết định, đề án, dự án, chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch và các văn bản khác của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của tỉnh chưa công bố hoặc không công bố.

2. Nội dung làm việc của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về chính trị nội bộ, an ninh, quốc phòng, kinh tế - xã hội chưa công bố hoặc không công bố.

3. Phương án, kế hoạch triển khai lực lượng khi nhà nước ban bố tình trạng khẩn cấp trên địa bàn tỉnh. Phương án, kế hoạch phối hợp các lực lượng của tỉnh trong phòng, chống khủng bố, gây rối, gây bạo loạn; giải quyết tình hình phức tạp về an ninh, trật tự ảnh hưởng đến an ninh quốc gia ở các vùng dân cư đặc thù.

4. Phương án bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nguyên thủ quốc gia các nước, người đứng đầu các tổ chức quốc tế đến thăm, làm việc hoặc đi qua địa bàn tỉnh.

5. Hồ sơ, tài liệu, kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ của các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện và Đảng ủy trực thuộc.

6. Nội dung đàm phán, thỏa thuận của tỉnh với các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế về hợp tác kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật, công nghệ mà thỏa thuận chưa công bố hoặc không công bố.

7. Số liệu tuyệt đối về dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh.

8. Kế hoạch phòng ngừa, bảo vệ an ninh, an toàn hệ thống truyền dẫn phát sóng, phát thanh, truyền hình của tỉnh.

Điều 7. Bí mật nhà nước độ “MẬT”

1. Nghị quyết các cuộc họp và báo cáo quan trọng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về an ninh, quốc phòng, kinh tế - xã hội và các vấn đề chính trị nội bộ chưa công bố.

2. Kế hoạch bảo vệ các kỳ Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các ngày lễ, tết, lễ hội, giải quyết các điểm nóng phức tạp về quốc phòng, an ninh, trật tự, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đưa truy tố, bảo vệ xét xử các phiên tòa quan trọng.

3. Báo cáo đột xuất, định kỳ, ngắn hạn, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh chưa công bố.

4. Tài liệu, văn bản phục vụ nghiên cứu, đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, chính sách về các lĩnh vực chính trị nội bộ, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thi hành pháp luật trong phạm vi tỉnh của cơ quan các cấp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Tài liệu, số liệu, tin tức liên quan đến chính trị nội bộ, an ninh, quốc phòng thu thập được bằng bất cứ hình thức nào mà chưa công bố hoặc không công bố.

6. Hồ sơ, tài liệu về nhân sự Đại hội Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; nhân sự đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh chưa công bố.

7. Tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về những vùng dân cư đặc thù phục vụ công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

8. Hệ thống tài liệu, số liệu thống kê lưu trữ của tỉnh trên các lĩnh vực chính trị nội bộ, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh chưa công bố hoặc không công bố, được lưu giữ bằng bất kỳ hình thức nào.

9. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, kế hoạch động viên quân dự bị và động viên chuyên nghiệp hàng năm của tỉnh; báo cáo về công tác nội chính của Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ.

10. Chỉ tiêu đầu tư ngân sách cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kết quả điều tra xã hội và lao động việc làm, kế hoạch điều động dân cư cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến an ninh, quốc phòng chưa công bố.

11. Hồ sơ, tài liệu của tỉnh trình Quốc hội, Chính phủ đề nghị thành lập, chia tách hoặc điều chỉnh, phân định ranh giới, địa giới hành chính; quy hoạch, di chuyển các khu dân cư trong phạm vi tỉnh chưa công bố.

12. Số liệu dự toán và quyết toán chi tiêu của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh liên quan đến an ninh, quốc phòng, đối ngoại; tài liệu thông tin về các phương án đánh giá phục vụ xuất nhập khẩu, đấu thầu, đấu giá tài sản chưa công bố.

13. Tài liệu về thanh tra, kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh chưa công bố.

14. Kế hoạch vận chuyển tiền, số dư trong tài khoản của khách hàng, kho bạc đang nhận giữ hộ, số dư tín phiếu, trái phiếu của cá nhân, đơn vị và số liệu tồn quỹ ngân sách của tỉnh, chủ trương, kế hoạch chống tiền giả, kiểm soát thị trường, chống hàng giả, hàng lậu.

15. Hồ sơ, tài liệu thiết kế các công trình quan trọng, phương án bảo vệ giao thông vận tải phục vụ an ninh, quốc phòng; hồ sơ, tài liệu quy hoạch hệ thống thủy lợi, phòng chống lũ lụt chưa công bố.

16. Số liệu, tài liệu về quy trình công nghệ thuộc bản quyền và những dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công nghệ, môi trường, thông tin địa lý cấp tỉnh đang nghiên cứu thử nghiệm.

17. Tình hình, số liệu tuyệt đối về thương binh, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, những thiệt hại do hậu quả chiến tranh, thiên tai gây ra chưa công bố.

18. Bản đồ, sơ đồ dự kiến về phân định địa giới hành chính, dân cư, canh tác quy hoạch phát triển kinh tế; tài liệu về đường biên giới chưa công bố của tỉnh. Bản đồ quân sự, tọa độ điểm hạng nhất, hạng hai Nhà nước thuộc mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh ba huyện biên giới Tân Hồng, Hồng Ngự và thị xã Hồng Ngự.

19. Kế hoạch, quy hoạch điều tra phát triển được liệu, hiệu quả và thuốc quý hiếm, tình hình, số liệu, danh sách những người mắc bệnh nhiễm virus HIV/AIDS chưa công bố.

20. Nội dung chứa đựng trong mọi thông tin điện tử, viễn thông tin học, Fax, máy tính nối mạng, máy thu phát trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) và danh bạ điện thoại đặc biệt của những cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến bí mật nhà nước và nơi cất giữ con dấu các loại.

21. Tài liệu, số liệu về điều tra cơ bản, đánh giá tình hình về tôn giáo và dân tộc, chủ trương, kế hoạch giải quyết tình hình an ninh chính trị liên quan đến tôn giáo, dân tộc trong địa bàn tỉnh Đồng Tháp chưa hoặc không được tuyên truyền.

22. Hồ sơ Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện quy hoạch cán bộ, nhân sự các cơ quan, tổ chức trong tỉnh chưa hoặc không công bố.

23. Kế hoạch, nội dung, kết quả thanh tra; hồ sơ, tài liệu đang xem xét giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo vi phạm liên quan an ninh quốc gia, tham nhũng, tiêu cực trong quá trình điều tra, xác định hoặc đã kết luận nhưng chưa công bố.

24. Đề thi, đáp án đề thi, bài thi, khóa phách, bảng điểm các kỳ thi tốt nghiệp, thi đầu vào các trường Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, dạy nghề, thi tuyển công chức trong phạm vi tỉnh Đồng Tháp chưa được phép công bố.

25. Tài liệu về thiết kế hệ thống kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh. Tài liệu về tần số, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin; quy ước liên lạc vô tuyến, điện thoại thuộc hệ buru điện đặc biệt, kế hoạch phối hợp nghiệp vụ thông tin liên lạc giữa ngành Bưu điện với các ngành liên quan phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng thuộc địa bàn tỉnh chưa được công bố.

26. Hồ sơ, tài liệu, sơ đồ kỹ thuật hệ thống phát thanh, truyền hình của tỉnh. Phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh hệ thống truyền dẫn, phát sóng, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh chưa được công bố.

27. Các loại biên bản, báo cáo, sổ công tác nghiệp vụ của các cơ quan, tổ chức chưa hoặc không công bố.

28. Số liệu, tư liệu, tin tức được sử dụng từ các tài liệu thuộc các danh mục bí mật nhà nước của các địa phương khác gửi đến.

Điều 8. Bí mật nhà nước từ nơi khác gửi đến

1. Bí mật nhà nước từ nơi khác gửi đến là tất cả những tin, tài liệu, hồ sơ, đồ vật, phương tiện, thiết bị có đóng dấu “Tuyệt mật”, “Tối mật”, “Mật” do các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác gửi đến các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan của tỉnh Đồng Tháp.

2. Bí mật nhà nước từ nơi khác gửi đến phải được bảo vệ đúng theo cấp độ mật đã được cơ quan ban hành, phát hành xác định.

Mục 2

BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung danh mục bí mật nhà nước

1. Hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, địa phương) có trách nhiệm xem xét danh mục bí mật nhà nước của ngành dọc Trung ương, của Ủy ban nhân dân

tinh và những quy định tại Quy chế này; nếu thấy quy định nào không còn phù hợp, cần sửa đổi, tăng, giảm độ mật hoặc xác định những nội dung mới cần được bảo mật, thì làm thủ tục gửi đến Công an tỉnh tập hợp, xem xét, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định hoặc trực tiếp quyết định.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, nhắc nhở, đôn đốc và tổng hợp ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục bí mật nhà nước của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 10. Xác định và đóng dấu độ mật đối với bí mật nhà nước

1. Căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước của ngành dọc Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản quy định độ mật đối với từng loại tài liệu, vật mang bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị mình, người soạn thảo phải đề xuất độ mật cụ thể đối với văn bản do mình trực tiếp soạn thảo tại tờ trình duyệt ký văn bản; người duyệt ký có trách nhiệm kiểm tra, quyết định độ mật, số lượng bản và phạm vi lưu hành (được ghi tại mục “Kính gửi” hoặc “Nơi nhận”) của văn bản, tài liệu do mình duyệt ký; văn thư có trách nhiệm đóng dấu độ mật lên văn bản, tài liệu đúng theo độ mật do người duyệt ký quyết định.

2. Đối với bí mật nhà nước được lưu giữ trong hồ sơ, phương tiện, thiết bị, người trực tiếp quản lý, lưu giữ có trách nhiệm xác định và đóng dấu độ mật hoặc dán nhãn có đóng dấu độ mật ở bên ngoài theo độ mật cao nhất của tài liệu được lưu giữ bên trong hồ sơ, phương tiện, thiết bị mang bí mật nhà nước.

3. Dấu chỉ độ mật đóng trên văn bản, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải có màu đỏ tươi và phải đóng đúng vị trí quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2015/TT-BCA và Nghị định số 33/2002/NĐ-CP).

Điều 11. Bảo vệ bí mật nhà nước trong in, sao, chụp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Việc in, sao, chụp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải đảm bảo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP, Điều 6 Thông tư số 33/2015/TT-BCA và những quy định sau:

a) Mọi trường hợp in, sao, chụp tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này, trong đó phải ghi rõ số lượng bản, phạm vi lưu hành, nơi nhận, tên cơ quan, họ tên, chữ ký, chức vụ của người có thẩm quyền cho phép sao, chụp và người sao, chụp; dấu của cơ quan cho phép in, sao, chụp;

b) Tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước sau khi in, sao, chụp xong phải đóng dấu độ mật theo độ mật của văn bản gốc, đóng dấu “Tài liệu thu hồi” (nếu cần) và phải được bảo mật như văn bản gốc; phải kiểm tra lại và hủy ngay bản dư thừa, bản hỏng; kiểm tra các chức năng lưu (save), nhớ (memory), Scan, Fax trên phương tiện, thiết bị để xóa dữ liệu được sao lưu tự động hoặc do người sử dụng cài đặt (nếu có);

c) Không được sử dụng phương tiện, thiết bị có kết nối với mạng Internet hoặc mạng điện rộng khác để in, sao, chụp tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước; không được mang tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật ra ngoài cơ quan, đơn vị để in, sao, chụp dưới mọi hình thức;

d) Bí mật nhà nước dưới dạng băng, đĩa và các thiết bị khác sau khi in, sao, chụp phải được bảo vệ bằng bao bì thích hợp, có đóng dấu niêm phong, dấu độ mật, ghi rõ tên người in, sao, chụp và phạm vi phổ biến bên ngoài bị;

đ) Việc in, sao, chụp tin, tài liệu bí mật nhà nước là điện mật được thực hiện theo quy định của pháp Luật cơ yếu.

2. Thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật”, “Tối mật”, “Mật”; ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước độ “Tối mật”, “Mật” thuộc lĩnh vực, trách nhiệm của ngành, địa phương mình phụ trách, quản lý;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương được quyền cho phép in, sao, chụp những tin, tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước do đơn vị mình phát hành; đồng thời có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước độ “Tối mật”, “Mật”;

c) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Hành chính và Thủ trưởng một số đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, địa phương có thẩm quyền cho phép in, sao, chụp tin, tài liệu, hồ sơ, vật mang bí mật nhà nước độ “Mật”. Đồng thời có thẩm quyền in, sao chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước do đơn vị mình phát hành.

Điều 12. Vận chuyển, giao nhận, gửi tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

a) Vận chuyển tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

- Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước khi vận chuyển phải được đựng trong bao bì chắc chắn bằng loại vật liệu phù hợp; khi cần thiết phải niêm phong theo quy định; có phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn trong mọi tình huống; nếu xét thấy cần thiết thì bố trí lực lượng bảo vệ việc vận chuyển;

- Tin, tài liệu có nội dung bí mật nhà nước khi truyền đi bằng phương tiện viễn thông, mạng máy tính và phương tiện thủ công khác phải mã hóa theo quy định của Nhà nước và của ngành mình.

b) Giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

Mọi trường hợp giao, nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân đều phải vào “Sổ chuyển giao văn bản mật” theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2012/TT-BNV), có ký nhận giữa bên giao và bên nhận, có kiểm tra, đối chiếu nhằm phát hiện những sai sót, mất mát để xử lý kịp thời;

c) Việc vận chuyển, giao nhận tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước do bộ phận giao liên, cán bộ văn thư của cơ quan trực tiếp thực hiện. Nếu vận chuyển, giao nhận theo đường bưu điện phải thực hiện theo quy định riêng của ngành Bưu điện.

2. Gửi tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đi

a) Vào sổ: Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trước khi gửi đi phải được đăng ký vào sổ riêng là “Sổ đăng ký văn bản mật đi” theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 07/2012/TT-BNV để theo dõi, quản lý và phải ghi đầy đủ thông tin vào các cột mục trong sổ. Đối với tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” thì cột trích yếu chỉ được ghi khi người ký duyệt văn bản đồng ý;

b) Làm bì: Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước khi gửi đi phải làm bì riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được, keo dán phải dính, khó bóc;

- Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước độ “Mật”, “Tối mật” gửi bằng một lớp phong bì. Ngoài bì đóng dấu ký hiệu chữ “C” đối với tài liệu có độ “Mật”, đóng dấu ký hiệu chữ “B” đối với tài liệu có độ “Tối mật”;

- Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật” gửi bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi rõ số, ký hiệu của tài liệu, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” (Nếu là tài liệu, vật mang bí mật nhà nước gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”). Bì ngoài ghi như gửi tài liệu thường, đóng dấu ký hiệu chữ “A”.

3. Nhận tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đến

a) Tất cả tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được gửi đến từ mọi nguồn đều phải chuyển cho bộ phận văn thư cơ quan đăng ký vào sổ riêng là “Sổ đăng ký văn bản mật đến” theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 07/2012/TT-BNV để theo dõi, quản lý và phải ghi đầy đủ thông tin vào các cột mục trong sổ trước khi chuyển cho người có trách nhiệm giải quyết. Sau khi có ý kiến giải quyết đối với tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đến, người có trách nhiệm giải quyết phải chuyển trở lại cho văn thư đăng ký bổ sung thông tin vào “Sổ đăng ký văn bản mật đến” và vào “Sổ chuyển giao văn bản mật đến” để theo dõi và tiếp tục chuyển cho cá nhân, đơn vị có liên quan thực hiện;

b) Nếu tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước gửi đến mà phong bì có đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”, thì văn thư vào sổ theo ký hiệu ngoài bì và chuyển ngay cho người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có thêm dấu “hỏa tốc” hoặc “xem liền” thì văn thư chuyển cho lãnh đơn vị giải quyết, tuyệt đối không được bóc bì;

c) Trường hợp tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được gửi đến mà nơi gửi không thực hiện đúng thủ tục bảo mật thì văn thư chuyển đến người có trách nhiệm giải quyết, đồng thời thông tin lại nơi gửi để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục. Nếu phát hiện phong bì đựng tài liệu, vật mang bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bị bóc, mở hoặc tài liệu bị tráo đổi, mất, hư hỏng, thì người nhận phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan để có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có đóng dấu “Tài liệu thu hồi”, văn thư hoặc người phát tài liệu phải có trách nhiệm thu hồi hoặc trả lại nơi gửi đúng thời hạn ghi trên văn bản. Khi nhận cũng như khi trả phải kiểm tra nội dung, đối chiếu số trang, số tờ nhằm bảo đảm không bị thất lạc, tráo đổi.

Người nhận tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước có trách nhiệm trả lại “Tài liệu thu hồi” đúng thời gian quy định. Trường hợp không trả lại tài liệu hoặc làm mất, lộ lọt thì tùy theo tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm gây ra sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phổ biến, nghiên cứu tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

Việc phổ biến, nghiên cứu tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đúng đối tượng, phạm vi cần được phổ biến hoặc nghiên cứu.
2. Tổ chức ở nơi bảo đảm bí mật, an toàn. Không được mở wifi, sử dụng micro vô tuyến, điện thoại di động, thiết bị thu phát tín hiệu qua mạng Internet hoặc mạng diện rộng khác nhưng chưa được mã hóa bảo mật... trong các cuộc họp, hội nghị phổ biến thông tin, tài liệu có nội dung bí mật nhà nước.
3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có thẩm quyền cho phép phổ biến, nghiên cứu, ghi chép, ghi âm, ghi hình, tác nghiệp báo chí tại các cuộc họp, hội nghị phổ biến thông tin, tài liệu có nội dung bí mật nhà nước. Các băng ghi âm, ghi hình và các thiết bị có chức năng lưu giữ khác phải được quản lý, bảo vệ như bản gốc.

Điều 14. Thống kê, lưu trữ, bảo quản tài liệu, mẫu vật mang bí mật nhà nước

1. Tin, tài liệu, vật mang bí mật nhà nước sau khi xử lý xong phải được thống kê, phân loại, sắp xếp theo trình tự thời gian, từng độ mật và lưu trữ riêng; phải có phương tiện bảo quản, bảo vệ an toàn như: Tủ, hòm, két sắt, kho lưu trữ. Không được tự động mang tài liệu, vật mang bí mật nhà nước ra khỏi cơ quan; trường hợp cần thiết phải mang đi công tác, mang về nhà riêng thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức; phải đăng ký với bộ phận bảo mật và phải có phương án bảo vệ chặt chẽ.

2. Mọi trường hợp khi phát hiện tài liệu, mẫu vật mang bí mật nhà nước bị mất, tráo đổi, hư hỏng hoặc bị lộ phải báo cáo ngay với Thủ trưởng đơn vị để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý bí mật nhà nước trong tỉnh Đồng Tháp phải thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo việc thống kê, phân loại, lưu giữ, bảo quản bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi quyền hạn của mình.

Điều 15. Bảo vệ các khu vực, nơi cất giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước

1. Các khu vực, địa điểm, nơi cất giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước bao gồm: Nơi soạn thảo, in ấn, sao chụp, hội họp, phổ biến bí mật nhà nước; kho cất giữ sản phẩm, kho dữ liệu điện tử, nơi dịch mã, chuyển nhận thông tin mật; nơi nghiên cứu, thử nghiệm các công trình có nội dung thuộc bí mật nhà nước trong phạm vi tỉnh Đồng Tháp phải đảm bảo an toàn, có nội quy bảo vệ, người không có phận sự không được tiếp cận, cán bộ đến liên hệ công tác phải có giấy giới thiệu kèm theo chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) và được bố trí tiếp, làm việc ở khu vực dành riêng cho cán bộ đến liên hệ công tác.

2. Tùy theo tính chất và yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước của từng nơi, từng địa phương, đơn vị mà tổ chức lực lượng chuyên trách hoặc bán chuyên trách, tổ chức tuần tra, canh gác, kiểm soát người ra vào chặt chẽ, bố trí phương tiện kỹ thuật bảo vệ tuyệt đối an toàn.

Điều 16. Bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị công nghệ, thông tin liên lạc

1. Máy vi tính và các thiết bị có chức năng lưu trữ

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương soạn thảo, phát hành, lưu trữ bí mật Nhà nước phải bố trí, sử dụng máy vi tính riêng (không kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, mạng diện rộng...);

b) Máy vi tính, các thiết bị có chức năng lưu trữ (ổ cứng di động, USB, đĩa mềm, thẻ nhớ...) trang bị cho công tác bảo mật, trước khi đưa vào sử dụng phải qua kiểm tra an ninh;

c) Sửa chữa máy vi tính, các thiết bị có chức năng lưu trữ dùng trong công tác bảo mật bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Nếu thuê dịch vụ bên ngoài, phải giám sát chặt chẽ. Máy vi tính lưu trữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước mang ra ngoài sửa chữa, phải tháo rời ổ cứng niêm phong, quản lý tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Sửa chữa xong, phải kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng;

d) Máy vi tính dùng để soạn thảo, lưu trữ thông tin, tài liệu mang nội dung bí mật nhà nước khi không sử dụng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng thì phải xóa bỏ các dữ liệu bí mật nhà nước với phương pháp an toàn.

2. Các thiết bị thu phát sóng, điện thoại di động, thiết bị di động thông minh

a) Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo có nội dung bí mật nhà nước chỉ sử dụng micro có dây; không mở wifi, ghi âm, ghi hình, sử dụng điện thoại di động, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép. Trường hợp đặc biệt, cơ quan chủ trì có thể đề nghị triển khai biện pháp chế áp thông tin di động;

b) Không lưu trữ các tài liệu có nội dung bí mật nhà nước trên thiết bị di động smartphone; không sử dụng thiết bị di động smartphone và dịch vụ trực tuyến tại các khu vực, bộ phận thiết yếu, cơ mật.

3. Tin, tài liệu có nội dung bí mật nhà nước khi truyền đưa bằng các phương tiện viễn thông, máy tính và các thiết bị thông tin liên lạc khác (vô tuyến, hữu tuyến) phải được mã hóa theo quy định của Luật Cơ yếu.

4. Các cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm thống kê, quản lý chặt chẽ các máy tính có nối mạng internet, các thiết bị có chức năng lưu trữ, thiết bị thu phát sóng, điện thoại di động, thiết bị di động thông minh và thiết bị sử dụng trong thông tin liên lạc của đơn vị, địa phương mình.

Điều 17. Bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với tổ chức, cá nhân người nước ngoài

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc địa bàn tỉnh Đồng Tháp khi quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân người nước ngoài không được tiết lộ bí mật nhà nước, phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định về quản lý đoàn ra, đoàn vào và thực hiện tốt chế độ thỉnh thị, báo cáo với cơ quan chức năng.

2. Trong quá trình thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ, nếu có yêu cầu cung cấp những thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài phải tuân thủ theo nguyên tắc:

a) Bảo vệ lợi ích quốc gia;

b) Chỉ cung cấp thông tin khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 33/2015/TT-BCA của Bộ Công an;

c) Yêu cầu phía nhận tin, sử dụng đúng mục đích thỏa thuận và không được tiết lộ cho bên thứ ba. Nếu vi phạm sẽ tiến hành làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam

1. Người được giao nhiệm vụ tìm hiểu, thu thập tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp phải có giấy chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, ghi rõ nội dung, yêu cầu tìm hiểu, thu thập và phải được cấp có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật đồng ý.

2. Cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật nhà nước khi cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam phải được cấp có thẩm quyền duyệt cho phép theo quy định sau:

a) Bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật” và “Tối mật” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Bí mật Nhà nước độ “Mật” do Thủ trưởng cơ quan trực tiếp lưu giữ thông tin đó phê duyệt.

Điều 19. Bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và thông tin đại chúng khác

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Chính phủ, ngành dọc Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; không được cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho báo chí.

2. Người đứng đầu cơ quan xuất bản, báo chí và Nhà báo phải chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước theo Luật Báo chí và các văn bản pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí.

Điều 20. Mang tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước ra nước ngoài

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Đồng Tháp muốn mang tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước của tỉnh Đồng Tháp ra nước ngoài phục vụ công tác, nghiên cứu, học tập phải có văn bản xin phép và phải có sự phê duyệt đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn bản xin phép phải nêu rõ họ và tên của người mang tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước ra nước ngoài; tên loại, trích yếu, số lượng, độ mật của tài liệu, vật có nội dung bí mật nhà nước sẽ mang ra nước ngoài; phạm vi, mục đích sử dụng. Khi xuất cảnh phải trình văn bản xin phép có sự phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu và phải có biện pháp bảo vệ chặt chẽ, an toàn trong suốt thời gian mang ra nước ngoài.

3. Nếu có yêu cầu cung cấp thông tin bí mật nhà nước cho phía nước ngoài phải xin phép trước khi ra nước ngoài theo Điều 17 Quy chế này.

Điều 21. Tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Căn cứ nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 33/2015/TT-BCA.

2. Trong trường hợp đặc biệt không có điều kiện tổ chức tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước theo quy định trên, nếu tài liệu, vật mang bí mật nhà nước không được tiêu hủy ngay sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho an ninh, quốc phòng hoặc các lợi ích khác của Nhà nước thì người đang quản lý tài liệu, vật mang bí mật nhà nước đó được quyền tự tiêu hủy nhưng ngay sau đó phải báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cơ quan Công an cùng cấp. Nếu việc tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước không có lý do chính đáng thì người tự tiêu hủy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 22. Giải mật, giảm mật, tăng mật tài liệu, vật mang bí mật nhà nước do các cơ quan, tổ chức, địa phương soạn thảo

1. Nguyên tắc, căn cứ đề xuất, thẩm quyền quyết định, thời gian, trình tự, thủ tục giải mật, giảm mật, tăng mật thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 33/2015/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước sẽ tự động giải mật trong các trường hợp sau:

- a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị;
- b) Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị hoặc tại các địa điểm khác;
- d) Các hình thức công bố công khai khác.

Sau khi tài liệu, vật mang bí mật nhà nước tự động được giải mật, văn thư có trách nhiệm đóng dấu giải mật theo quy định.

Điều 23. Bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước

1. Tất cả các cơ quan, tổ chức, địa phương tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước phải có văn bản phân công, bố trí từ hai cán bộ trở lên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước ở đơn vị, địa phương mình theo Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này.

2. Cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước hoặc làm việc liên quan đến bí mật nhà nước (cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của đơn vị, cán bộ soạn thảo, in sao, tiếp xúc bí mật nhà nước, cơ yếu, giao liên, văn thư, bảo quản, lưu trữ bí mật nhà nước) phải có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật nhà nước, có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ được giao; phải làm cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản theo Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này nộp cho bộ phận tổ chức của đơn vị quản lý, lưu giữ. Khi nghỉ chế độ, chuyển sang làm công tác khác, khi xuất cảnh ra nước ngoài phải cam kết không tiết lộ bí mật nhà nước.

3. Những người được giao nhiệm vụ tiếp xúc với bí mật nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 24. Trình tự, thủ tục xác định khu vực, địa điểm cấm thuộc phạm vi bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan xác định các khu vực cấm trên địa bàn (trừ các khu vực cấm do Bộ Quốc phòng quản lý) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Hàng năm tổ chức rà soát, xác định các khu vực cấm mới phát sinh đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các khu vực, địa điểm được xác định là khu vực cấm, địa điểm cấm phải cấm biên “khu vực cấm”, “địa điểm cấm”. Mẫu biên “khu vực cấm”, “địa điểm cấm” thống nhất thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 33/2015/TT-BCA.

3. Khi có tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và trong trường hợp có thảm họa do thiên nhiên, con người, có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô lớn, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, Nhà nước mà Nhà nước chưa ban bố tình trạng khẩn cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định khu vực cấm, địa điểm cấm tạm thời và quyết định cấm biên cấm tạm thời.

4. Các khu vực cấm, địa điểm cấm phải bố trí lực lượng bảo vệ. Lực lượng bảo vệ phải đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị và phải qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

5. Tùy điều kiện cụ thể, các khu vực cấm, địa điểm cấm được trang bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật hỗ trợ như: Hệ thống khóa an toàn; hệ thống camera giám sát an ninh; hệ thống chuông báo động; thẻ quản lý người ra vào; cổng từ; máy soi chiếu và các thiết bị an ninh an toàn khác. Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng phải được Công an tỉnh kiểm tra, đảm bảo an toàn.

Điều 25. Mẫu dấu mật và mẫu biên cấm

1. Tất cả các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh Đồng Tháp đều phải trang bị đầy đủ mẫu dấu mật theo quy định tại Điều 16 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCA. Bộ phận văn thư của các cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm quản lý, sử dụng mẫu dấu mật đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp các cơ quan, tổ chức, địa phương trang bị và tổ chức cấm biên cấm tại các khu vực cấm, địa điểm cấm trên địa bàn tỉnh đúng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCA.

Điều 26. Trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Việc trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương quyết định.

2. Vào tháng 7 hàng năm, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương căn cứ vào thực tế yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước của đơn vị mình và hướng dẫn tại Thông tư số

110/2013/TT-BTC ngày 14/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc công tác bảo vệ bí mật nhà nước lập dự toán kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước gửi Sở Tài chính tập hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Mục 3

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 27. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế, nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.
3. Lập, sửa đổi, bổ sung, giải mật Danh mục bí mật Nhà nước gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.
4. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh.
5. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, cảnh giác và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước; triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.
6. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Điều 28. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật trong cơ quan, đơn vị mình quản lý.
2. Xây dựng quy chế, nội quy bảo vệ bí mật Nhà nước ở cơ quan, tổ chức địa phương mình căn cứ vào yêu cầu bảo mật ở cơ quan, đơn vị, địa phương và phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.
3. Lựa chọn, bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có đủ phẩm chất, năng lực làm công tác bảo vệ bí mật Nhà nước, giúp lãnh đạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước. Trước khi tuyển dụng hoặc chuyển công tác khác đối với cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thì phải có sự trao đổi với cơ quan Công an cùng cấp để xem xét.
4. Giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ý thức cảnh giác, giữ gìn bí mật Nhà nước; có biện pháp cụ thể quản lý cán bộ, nhất là cán bộ nắm giữ nhiều bí mật Nhà nước, cán bộ thường xuyên đi công tác nước ngoài hoặc tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài.
5. Trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ bảo vệ bí mật Nhà nước.
6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước thuộc trách nhiệm cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 29. Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Công an tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn Tỉnh. Việc kiểm tra

trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước được tiến hành định kỳ ít nhất 2 năm một lần hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương tổ chức thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước đối với các đơn vị trong phạm vi mình quản lý theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 24 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP.

3. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước phải đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Sau mỗi lần thanh tra, kiểm tra phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nắm, chỉ đạo.

Điều 30. Chế độ báo cáo việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý của mình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Công an tỉnh:

a) Báo cáo những vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước xảy ra hoặc các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, gây phương hại đến an ninh quốc gia hoặc lợi ích quốc gia, dân tộc;

b) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm vào ngày 15 tháng 5 của năm; 01 năm vào tháng 11 của năm; báo cáo sơ kết, tổng kết khi có yêu cầu.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh gửi Chính phủ và Bộ Công an theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này. Căn cứ danh mục bí mật Nhà nước của Quy chế này và danh mục bí mật Nhà nước của từng cơ quan, tổ chức ở Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, ban hành văn bản (dưới hình thức công văn, quy định, nội quy riêng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình) để xác định phạm vi bí mật Nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý và bảo vệ; trong đó, phải quy định rõ ràng, cụ thể độ mật của từng loại tin, tài liệu, vật mang bí mật Nhà nước do cơ quan, đơn vị, địa phương mình chủ trì ban hành, quản lý.

2. Công an tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, Công an tỉnh tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

MẪU SỐ 01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /2017/QĐ-UBND ngày 10 / 8 /2017 của UBND tỉnh
Đồng Tháp)*

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-

....., ngày... tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công cán bộ phụ trách công tác bảo vệ bí mật nhà nước

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 33/2015/TT-BCA, ngày 20/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công ông (bà) Nguyễn Văn A, sinh năm.....là cán bộ thuộcthực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại.....

Điều 2: Ông (bà) Nguyễn Văn A có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; không để lộ, lọt bí mật nhà nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Ông (bà) Nguyễn Văn A và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /2017/QĐ-UBND ngày 10 / 8 /2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Được phân công nhiệm vụ công tác.....

.....
từ ngày..... tháng năm

Tôi hiểu rằng việc giữ gìn bí mật Nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôi đã được nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Tôi xin cam kết như sau:

1. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.
2. Không để lộ, lọt những bí mật nhà nước mà tôi được tiếp xúc hoặc được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ.
3. Khi không làm công tác này nữa tôi cam kết không tiết lộ bí mật nhà nước.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người cam kết
(Ký tên, ghi rõ họ tên)